

THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế**
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1062	174	216	210	194	268
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1062	174	216	210	194	268
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1062	174	216	210	194	268
1	Tốt và đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1061 (99,9%)	172 (99,5%)	214 (100%)	207 (100%)	194 (100%)	263 (100%)
2	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%)	1 (0,5%)	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1062	174	216	210	194	268
1	Hoàn thành tốt tất cả các môn học và HĐGD (tỷ lệ so với tổng số)	267 (25,4%)	48 (27,7%)	59 (27,6%)	46 (22,2%)	48 (24,7%)	66 (25,1%)
2	Hoàn thành và hoàn thành tốt các môn học và HĐGD (tỷ lệ so với tổng số)	783 (74,5%)	125 (72,3%)	154 (72,4%)	161 (77,8%)	146 (75,3%)	197 (74,9%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%)	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1062	174	216	210	194	268
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1050 (99,9%)	172 (99,5%)	214 (100%)	207 (100%)	194 (100%)	265 (100%)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	605 (57,6%)	67 (38,7%)	81 (37,9%)	68 (32,9%)	168 (86,6%)	221 (84,0%)
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%)	1 (0,5%)	0	0	0	0

Ghi chú: 11 HS học hòa nhập không đánh giá theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDDT ngày 28/9/2016 về Thông tư ban hành đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư 27/TT-BGDDT ngày 4/9/2020 về Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Long Biên, ngày 01 tháng 6 năm 2023



Nguyễn Thị Yến